

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nghị định này áp dụng đối với thương nhân sản xuất, kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam.

2. Nghị định này không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình, không lưu thông trên thị trường theo đăng ký với Bộ Công Thương.

3. Thương nhân kinh doanh xăng dầu có tổ chức hoạt động sản xuất, chế biến xăng dầu được chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng không quá 34% và phải được Bộ Công Thương chấp thuận sau khi thẩm định”.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 9, khoản 11 Điều 3 được sửa đổi bổ sung như sau:

“1. Xăng dầu là tên chung để chỉ các sản phẩm của quá trình lọc dầu thô, chưng cất từ phế liệu, các nguyên vật liệu khác, dùng làm nhiên liệu, bao gồm: Xăng động cơ, dầu điêzen, dầu hỏa, dầu madút, nhiên liệu bay; nhiên liệu sinh học và các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu động cơ, không bao gồm các loại khí hóa lỏng và khí nén thiên nhiên.”

“3. Sản xuất xăng dầu là quá trình lọc, chuyển hóa, chưng cất dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, phụ gia và các chế phẩm khác thành các sản phẩm xăng dầu.”

“7. Giá xăng dầu thế giới được sử dụng làm căn cứ tính giá cơ sở là giá xăng dầu thành phẩm được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày được công bố bởi hãng tin Platt's (sau đây gọi tắt là giá Platt's Singapore).”

“9. Giá cơ sở là giá tối đa được xác định trên các yếu tố chi phí tổng hợp từ các nguồn, do Liên Bộ Công Thương – Tài chính xác định và công bố, làm định hướng điều hành giá bán lẻ xăng dầu trong nước (riêng dầu madut là giá bán buôn). Trên cơ sở giá cơ sở các doanh nghiệp chịu trách nhiệm quyết định về giá bán lẻ xăng dầu trong nước, gửi quyết định về cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính) để giám sát.”

“11. Thương nhân đầu mối bao gồm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu là thương nhân mua xăng dầu trực tiếp từ nhà máy sản xuất xăng dầu (hoặc từ doanh nghiệp độc quyền phân phối sản phẩm xăng dầu của nhà máy trong trường hợp nhà máy sản xuất không trực tiếp bán xăng dầu thành phẩm) hoặc nhập khẩu xăng dầu để cung ứng xăng dầu cho hệ thống của mình hoặc xuất khẩu.

Thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu là thương nhân thực hiện quá trình lọc hóa xăng, dầu từ dầu thô hoặc chưng cất xăng, dầu từ các nguyên liệu khác.

Thương nhân đầu mối là chủ sở hữu xăng dầu trên toàn hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trừ trường hợp xăng dầu bán cho thương nhân phân phối xăng dầu và cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu.

3. Bổ sung các khoản sau vào Điều 3

“17. Nhiên liệu sinh học tại Nghị định này là xăng E5, E10 theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học (QCVN 1:2015/BKHCN) ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 11 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

c) Xăng E5 là hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 4% đến 5% theo thể tích, ký hiệu là E5.

d) Xăng E10 là hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 9% đến 10% theo thể tích, ký hiệu là E10.

đ) Etanol nhiên liệu bao gồm etanol nhiên liệu biến tính và etanol nhiên liệu không biến tính. Etanol nhiên liệu không biến tính (gọi tắt là E100) là etanol có các tạp chất thông thường sản sinh ra trong quá trình sản xuất nhiên liệu (kể cả nước). Etanol nhiên liệu biến tính là etanol nhiên liệu không biến tính được pha thêm các chất biến tính như xăng, naphta với hàm lượng từ 1,96% đến 5,0% thể tích.”

“18. Kê khai giá đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm trong nước là việc các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối

xăng dầu gửi văn bản thông báo mức giá bán xăng, dầu thành phẩm cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Liên Bộ Công Thương - Tài chính) khi thực hiện Điều chỉnh giá đối với các mặt hàng này.”

“19. Đăng ký giá đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm trong nước là việc các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu lập, phân tích việc hình thành mức giá và gửi biểu mẫu thông báo giá cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Liên Bộ Công Thương - Tài chính) trước khi thực hiện Điều chỉnh giá đối với các mặt hàng này, trong thời gian Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định.”

“20. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu là Quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước, là một yếu tố cấu thành giá cơ sở và chỉ được sử dụng để phục vụ mục tiêu ổn định thị trường, bình ổn giá xăng dầu trong nước theo quy định của pháp luật.”

“21. Đồng sở hữu là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu được xác định đối với cửa hàng xăng dầu. Mỗi chủ sở hữu chung theo phần có quyền, nghĩa vụ đối với cửa hàng xăng dầu tương ứng với phần quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tỷ lệ giá trị vốn góp của thương nhân đồng sở hữu đối với mỗi cửa hàng xăng dầu tối thiểu 10%”.

“23. Công cụ, nghiệp vụ phái sinh là các công cụ tài chính được sử dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, biến động giá cả hàng hóa”

4. Mục 1 Chương II được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Mục 1

THƯƠNG NHÂN ĐẦU MỐI KINH DOANH XĂNG DẦU

Điều 7. Điều kiện đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Thương nhân có đủ các điều kiện quy định dưới đây được Bộ Công Thương cấp Giấy phép đầu mối kinh doanh xăng dầu:

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có cầu cảng chuyên dụng nằm trong hệ thống cảng quốc tế của Việt Nam, bảo đảm tiếp nhận được tàu chở xăng dầu hoặc phương tiện vận tải xăng dầu khác có trọng tải tối thiểu bảy nghìn tấn (7.000 tấn), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng từ năm (05) năm trở lên.
3. Có kho tiếp nhận xăng dầu nhập khẩu dung tích tối thiểu mười lăm nghìn mét khối (15.000 m³) để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng khác, thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.
4. Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

5. Có hệ thống phân phối xăng dầu: Tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc sở hữu và đồng sở hữu/thuê của doanh nghiệp, tối thiểu bốn mươi (40) tổng đại lý hoặc đại lý hoặc thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.

6. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh nhiên liệu bay không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định tại Khoản 5 Điều này nhưng phải có phương tiện tra nạp nhiên liệu bay thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của thương nhân.

Điều 8. Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu

1. Bộ Công Thương có thẩm quyền cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu cho thương nhân có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu

a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc sở hữu và đồng sở hữu, danh sách tổng đại lý, đại lý thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh.

b) Đối với trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Bộ Công Thương đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy phép. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản gốc Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

c) Đối với trường hợp cấp lại

Trường hợp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Bộ Công Thương đề nghị cấp lại Giấy phép. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu (nếu có).

d) Trường hợp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thì hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại Điểm a Khoản này và gửi về Bộ Công Thương trước ba mươi (30) ngày, trước khi Giấy phép hết hiệu lực.

3. Trình tự cấp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu

a) Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Bộ Công Thương.

b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

c) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 2 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có thời hạn hiệu lực là năm (05) năm kể từ ngày cấp mới.

5. Thương nhân được cấp Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Bộ Công Thương có thẩm quyền thu hồi Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu. Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu bị thu hồi trong các trường hợp: Thương nhân bị phá sản theo quy định của pháp luật; thương nhân không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thương nhân không dự trữ xăng dầu theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định này; thương nhân vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm quy định về bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường tại Nghị định này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu

1. Được Bộ Công Thương phân giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu tối thiểu hàng năm.

2. Được quyền nhập khẩu hoặc mua trong nước nguyên liệu để pha chế xăng dầu. Việc nhập khẩu nguyên liệu phải theo kế hoạch đã được Bộ Công Thương xác nhận, thông báo cho cơ quan hải quan làm thủ tục và kiểm soát việc nhập khẩu nguyên liệu của thương nhân.

3. Được mua bán xăng dầu, nguyên liệu với các thương nhân đầu mỗi khác.

4. Được phân phối xăng dầu thông qua các đơn vị trực thuộc, bao gồm các doanh nghiệp thành viên, chi nhánh, kho, cửa hàng bán lẻ của doanh nghiệp và

thông qua hệ thống thương nhân là tổng đại lý, đại lý bán lẻ xăng dầu; thông qua thương nhân phân phối xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu.

5. Được thực hiện các dịch vụ cung ứng nhiên liệu bay nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Được áp dụng các công cụ, nghiệp vụ phái sinh phù hợp với thông lệ quốc tế để giao dịch, mua bán xăng dầu.

7. Nhập khẩu xăng dầu không thấp hơn hạn mức tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao cho cả năm; nhập khẩu đúng tiến độ theo quý hoặc theo văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Công Thương; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu chủng loại và mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định này.

8. Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu theo quy định tại Nghị định này.

9. Áp dụng thống nhất giá bán lẻ xăng dầu trong toàn hệ thống phân phối của mình, trừ trường hợp bán xăng dầu cho thương nhân phân phối xăng dầu.

10. Ngoài việc bán buôn xăng dầu cho đơn vị trực tiếp sản xuất, bán lẻ tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc thương nhân, được giao xăng dầu bằng hình thức đại lý quy định tại Luật Thương mại cho thương nhân đủ điều kiện làm tổng đại lý, đại lý quy định tại Điều 16, Điều 19 và các thương nhân này không vi phạm quy định tại Khoản 4 và 5 Điều 18, Khoản 2 và 3 Điều 21 Nghị định này; được bán xăng dầu cho thương nhân đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu quy định tại Điều 13 và các thương nhân này không vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 15 Nghị định này; được kinh doanh xăng dầu bằng phương thức nhượng quyền thương mại cho thương nhân đủ điều kiện làm thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu quy định tại Điều 22 và các thương nhân này không vi phạm quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 23 Nghị định này.

11. Phải đăng ký hệ thống phân phối của mình theo quy định của Bộ Công Thương.

12. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý đo lường, chất lượng xăng dầu bán ra trên thị trường. Chịu trách nhiệm giám sát, quản lý về đo lường, chất lượng xăng dầu trong quá trình vận chuyển từ nơi xuất đến nơi nhận. Có nghĩa vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng và hoạt động kinh doanh xăng dầu của tổng đại lý, đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu trong hệ thống phân phối của mình, thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền để quản lý.

13. Liên đới chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm của tổng đại lý, đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của mình trong hoạt động kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

14. Phải quy định thống nhất việc ghi tên thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của mình và tổ chức kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thuộc hệ thống phân phối của

mình. Việc sử dụng biểu tượng (lô gô), nhãn hiệu, chỉ dẫn thương mại của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải phù hợp với Luật Thương mại về nhượng quyền thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật.

15. Chỉ được chuyển tải, sang mạn xăng dầu tại các vị trí do Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định; chuyển tải, sang mạn xăng dầu từ tàu lớn hoặc phương tiện vận tải khác mà cảng Việt Nam không có khả năng tiếp nhận trực tiếp do cơ quan cảng vụ quy định.

16. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh.

17. Xây dựng, áp dụng và duy trì có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng.

18. Thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”

5. Khoản 5 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“5. Có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc sở hữu và đồng sở hữu/thuê, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

6. Điểm a khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu theo Mẫu số 5 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định này;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 13 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh.

- Bản sao y bản chính hợp lệ Hợp đồng mua bán xăng dầu của thương nhân phân phối xăng dầu với thương nhân đầu mối.”

7. Khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc sở hữu và đồng sở hữu/thuê, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ

điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

8. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc sở hữu và đồng sở hữu/thuê được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

9. Khoản 2 Điều 21 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Chỉ được ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho một (01) tổng đại lý hoặc một (01) thương nhân phân phối xăng dầu hoặc một (01) thương nhân đầu mối. Nếu tổng đại lý hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối đó không kinh doanh nhiên liệu sinh học, đại lý được ký thêm hợp đồng làm đại lý cho một (01) tổng đại lý hoặc một (01) thương nhân phân phối xăng dầu hoặc một (01) thương nhân đầu mối khác chỉ để kinh doanh nhiên liệu sinh học. Trường hợp đại lý bán lẻ xăng dầu có hoạt động cung cấp xăng dầu trên biển của Việt Nam, đại lý bán lẻ xăng dầu này được ký thêm hợp đồng đại lý với tối đa ba (03) tổng đại lý hoặc ba (03) thương nhân phân phối xăng dầu hoặc ba (03) thương nhân đầu mối khác có hệ thống phân phối ở gần các vùng biển đang hoạt động và phải thực hiện việc ghi tên các thương nhân cung cấp xăng dầu thực tế trên biển hiệu”.

9. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc sở hữu và đồng sở hữu/thuê được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

10. Khoản 2 Điều 23 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Chỉ được ký hợp đồng làm thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu cho một (01) thương nhân đầu mối hoặc một (01) thương nhân phân phối xăng dầu để bán xăng dầu qua cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu, đồng sở hữu. Nếu thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu đó không kinh doanh nhiên liệu sinh học, thương nhân nhận quyền được ký thêm hợp đồng làm thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu cho một (01) thương nhân đầu mối hoặc một (01) thương nhân phân phối xăng dầu khác chỉ để kinh doanh nhiên liệu sinh học. Trường hợp thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu có hoạt động cung cấp xăng dầu trên biển của Việt Nam, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu này được ký thêm hợp đồng nhận nhượng quyền với tối đa ba (03) tổng đại lý hoặc ba (03) thương nhân phân phối xăng dầu hoặc ba (03) thương nhân đầu mối khác có hệ thống phân phối ở gần các vùng biển đang hoạt động và phải thực hiện việc ghi tên các thương nhân cung cấp xăng dầu thực tế trên biển hiệu.”

11. Khoản 2 Điều 24 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Thuộc sở hữu, thuê, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân

phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).”

12. Điểm a khoản 2 Điều 25 được sửa đổi bổ sung như sau:

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân chủ sở hữu của hàng bán lẻ xăng dầu;

- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định này và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên của hàng theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

- Bản sao y bản chính hợp lệ văn bản xác nhận cung cấp hàng cho từng cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp.”

13. Bổ sung Điều 24 như sau:

“5. Bộ Công Thương xem xét, rà soát và quyết định việc áp dụng thí điểm loại hình máy bán xăng dầu mini đã được kiểm định an toàn bởi các cơ quan chức năng đối với một số địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng không đủ điều kiện hoặc không được doanh nghiệp đầu tư cây xăng.”

14. Bổ sung vào Khoản 2 Điều 25 như sau:

“- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu, đồng sở hữu hoặc thuê của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.”

15. Điều 31 được bổ sung như sau:

“4. Cơ chế sử dụng nguồn xăng dầu dự trữ bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia và/hoặc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương để phục vụ công tác bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường khi cần thiết.

14. Chương III được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Chương III

QUẢN LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU

Mục 1

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐO LƯỜNG TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

Điều 32. Quản lý về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu

1. Chỉ được phép lưu thông xăng dầu trên thị trường Việt Nam có chất lượng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn công bố áp dụng.

2. Thương nhân kinh doanh xăng dầu phải thực hiện các yêu cầu về quản lý đo lường, chất lượng xăng dầu theo quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình nhập khẩu, sản xuất, pha chế, tồn trữ, vận chuyển và bán cho người tiêu dùng; chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về đo lường, chất lượng xăng dầu trong hệ thống phân phối thuộc mình quản lý.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm định, kiểm tra, kiểm soát các thiết bị đo lường theo quy định hiện hành của pháp luật về đo lường, quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn công bố áp dụng; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng dầu để điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp thử phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, tiêu chuẩn của các nước trong khu vực và quốc tế; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp; tiến hành thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài để bảo đảm đáp ứng yêu cầu kịp thời, nhanh chóng, chính xác và thuận lợi cho công tác kiểm tra.

Mục 2

XUẤT NHẬP KHẨU XĂNG DẦU

Điều 33. Nhập khẩu xăng dầu

1. Hàng năm, căn cứ nhu cầu xăng dầu của nền kinh tế quốc dân và nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xác định nhu cầu định hướng về xăng dầu nhập khẩu của năm tiếp theo. Nhu cầu xăng dầu phục vụ cho quốc phòng được xác định riêng.

2. Trên cơ sở nhu cầu định hướng về xăng dầu nhập khẩu, thực tế tiêu thụ nội địa năm trước liền kề và đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương giao hạn mức nhập khẩu tối thiểu phục vụ tiêu thụ nội địa cả năm theo cơ cấu chủng loại cho từng thương nhân có Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu để làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan.

3. Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm nguồn cung, Bộ Công Thương quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu xăng dầu để thương nhân đầu mỗi thực hiện.

4. Căn cứ nhu cầu thị trường, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quyết định khối lượng xăng dầu nhập khẩu các loại để tiêu thụ tại thị trường trong nước nhưng không thấp hơn mức tối thiểu được giao.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc nhập khẩu xăng dầu của các thương nhân, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và tiêu dùng của xã hội. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương điều chỉnh mức nhập khẩu tối thiểu đã giao cho các thương nhân.

Điều 34. Thủ tục đăng ký hạn mức tối thiểu nhập khẩu xăng dầu

1. Hàng năm, trên cơ sở tình hình nhập khẩu xăng dầu trong năm và kế hoạch phát triển trong năm tiếp theo, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu đăng ký hạn mức nhập khẩu xăng dầu tối thiểu với Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đăng ký là một (01) bộ, gồm có:

a) Công văn đề nghị trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại xăng dầu đăng ký được giao hạn mức nhập khẩu tối thiểu.

b) Báo cáo tình hình nhập khẩu xăng dầu của đơn vị trong năm.

Điều 35. Xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu

1. Chỉ có thương nhân đầu mỗi được xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

2. Chỉ có thương nhân có Giấy phép đầu mỗi kinh doanh xăng dầu được tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

3. Chỉ có thương nhân sản xuất được gia công xuất khẩu xăng dầu.

4. Kinh doanh tạm nhập tái xuất xăng dầu gồm những loại hình sau:

a) Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu xăng dầu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu xăng dầu ra khỏi Việt Nam.

b) Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu xăng dầu vào Việt Nam và bán xăng dầu cho thương nhân thuộc các khu vực hải quan riêng trên lãnh thổ Việt Nam như khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, khu bảo thuế, khu thương mại công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong đó quy định quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa các khu vực này với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu, trừ trường hợp Thủ tướng Chính phủ có quy định khác.

5. Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu xăng dầu vào Việt Nam để bán cho các đối tượng sau đây cũng được áp dụng các quy định về kinh doanh tạm nhập tái xuất xăng dầu:

a) Máy bay của các hãng hàng không nước ngoài cập cảng hàng không Việt Nam, máy bay của các hãng hàng không Việt Nam bay trên các tuyến bay quốc tế xuất cảnh.

b) Tàu biển nước ngoài cập cảng Việt Nam, tàu biển Việt Nam chạy tuyến quốc tế xuất cảnh.

6. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động:

a) Nhập khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

b) Xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

c) Tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

d) Gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

7. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hoạt động:
- a) Nhập khẩu xăng dầu và nguyên liệu.
 - b) Xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu.
 - c) Tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan xăng dầu và nguyên liệu.
 - d) Gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

Mục 3

ĐIỀU HÀNH GIÁ XĂNG DẦU

Điều 36. Nguyên tắc quản lý, điều hành giá xăng dầu trong nước

1. Giá bán xăng dầu được thực hiện theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước; bảo đảm nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa các bên: nhà nước - người tiêu dùng - doanh nghiệp.

2. Thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu được quyền quyết định giá bán buôn. Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối xăng dầu được quyết định giá bán lẻ xăng dầu phù hợp với chi phí phát sinh thực tế tại doanh nghiệp và không cao hơn mức giá cơ sở xăng dầu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố; đồng thời gửi văn bản kê khai giá, quyết định điều chỉnh giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Liên Bộ Công Thương – Tài chính).

3. Thời gian giữa hai (02) lần điều chỉnh giá liên tiếp là 15 ngày.

Điều 37. Công thức giá cơ sở xăng dầu (không bao gồm xăng E5, E10)

1. Giá cơ sở/tối đa mặt hàng xăng dầu (trừ xăng E5, E10) được xác định bằng (=) Giá cơ sở/tối đa từ nguồn nhập khẩu nhân (x) Tỷ trọng nguồn nhập khẩu cộng (+) Giá tối đa từ nguồn sản xuất trong nước nhân (x) Tỷ trọng nguồn sản xuất trong nước.

2. Giá cơ sở xăng dầu từ nguồn nhập khẩu được xác định bằng (=) {Giá CIF cộng (+) chi phí thuế nhập khẩu cộng (+) chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt} nhân (x) Tỷ giá ngoại tệ cộng (+) Thuế giá trị gia tăng cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ Bình ổn giá cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Thuế bảo vệ môi trường cộng (+) Các loại thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giá cơ sở/tối đa từ nguồn sản xuất trong nước được xác định bằng (=) Giá mua xăng dầu của các thương nhân đầu mối tại kho/cảng của các nhà máy lọc dầu trong nước (đã bao gồm premium, chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế VAT) cộng (+) Chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước về kho của thương nhân đầu mối (nếu có) cộng (+) Thuế, phí theo quy định cộng (+) mức trích Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) Lợi nhuận định mức.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương pháp tính giá cơ sở đối với các mặt hàng xăng dầu.

Điều 38. Công thức tính giá cơ sở xăng E5, E10

1. Giá cơ sở xăng E5, E10 được xác định bằng (=) Giá cơ sở xăng E5, E10 phối trộn từ nguồn xăng nhập khẩu nhân (x) Tỷ trọng xăng từ nguồn nhập khẩu cộng (+) Giá cơ sở/tối đa E5, E10 từ nguồn xăng sản xuất trong nước nhân (x) Tỷ trọng nguồn xăng sản xuất trong nước.

2. Giá cơ sở xăng E5, E10 được phối trộn từ etanol nhiên liệu và nguồn xăng khoáng nhập khẩu (=) {tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) (giá CIF xăng không chì cộng (+) chi phí thuế nhập khẩu xăng không chì) nhân (x) tỷ giá ngoại tệ cộng (+) tỷ lệ phần trăm thể tích etanol nhiên liệu (%) nhân (x) giá etanol nhiên liệu} cộng (+) Thuế tiêu thụ đặc biệt cộng (+) Thuế giá trị gia tăng cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ Bình ổn giá cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Thuế bảo vệ môi trường cộng (+) Các loại thuế, phí và các Khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giá cơ sở xăng E5, E10 được phối trộn từ etanol nhiên liệu và nguồn xăng khoáng sản xuất trong nước bằng (=) {tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) (giá mua xăng dầu trong nước của các thương nhân đầu mối cộng (+) Các khoản chi phí để đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến kho doanh nghiệp đầu mối) cộng (+) phần trăm thể tích etanol nhiên liệu (%) nhân (x) giá etanol nhiên liệu} cộng (+) Thuế tiêu thụ đặc biệt cộng (+) Thuế giá trị gia tăng cộng (+) Chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ Bình ổn giá cộng (+) Lợi nhuận định mức cộng (+) Thuế bảo vệ môi trường cộng (+) Các loại thuế, phí và các Khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương pháp tính giá cơ sở đối với các mặt hàng xăng sinh học.

Điều 39. Chế độ báo cáo và đánh giá các yếu tố chi phí định mức, lợi nhuận định mức để tính giá cơ sở xăng dầu:

1. Hàng năm, thương nhân đầu mối có trách nhiệm kiểm toán chi phí kinh doanh kinh doanh xăng dầu; chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam, chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến kho doanh nghiệp đầu mối, lợi nhuận thực hiện báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 của năm tài chính kế tiếp. Các thương nhân đầu mối chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.

2. Sau khi nhận được báo cáo kiểm toán của các thương nhân đầu mối, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương tổng hợp, đánh giá, khảo sát thực tế (nếu cần thiết) để xem xét, điều chỉnh các yếu tố chi phí định mức, lợi nhuận định mức để tính giá cơ sở (nếu có).

Điều 40. Thành lập Tổ Liên ngành điều hành giá xăng dầu

Phương án 1:

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính ban hành Quyết định thành lập Tổ Liên ngành điều hành giá xăng dầu (sau đây gọi tắt là Tổ Liên ngành), phân công nhiệm vụ cho các thành viên, quy chế làm việc của Tổ Liên ngành.

Phương án 2:

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương ban hành Quyết định thành lập Tổ Liên ngành điều hành giá xăng dầu (sau đây gọi tắt là Tổ Liên ngành), phân công nhiệm vụ cho các thành viên, quy chế làm việc của Tổ Liên ngành.

(Ngoài các nội dung phân công theo chức năng nhiệm vụ của các Bộ ngành liên quan đã nêu trong Dự thảo, việc phân công đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp trong điều hành giá xăng dầu sẽ xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ để quyết định, theo đó sẽ điều chỉnh các nội dung phân công phối hợp tại các điều khoản khác về điều hành giá và công bố giá cho phù hợp).

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Liên ngành

1. Nhiệm vụ của Tổ Liên ngành

a) Tham mưu với Lãnh đạo Liên Bộ điều hành giá xăng dầu theo quy định của pháp luật và phù hợp tình hình kinh tế - xã hội, giá xăng dầu thế giới trong từng thời kỳ;

b) Tính toán, công bố trên trang Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính về giá cơ sở, chênh lệch giá cơ sở kỳ công bố so với kỳ liền kề trước đó theo định kỳ bình quân 15 ngày/lần, bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 và theo quy định tại Mục 3 Nghị định này;

c) Tiếp nhận văn bản kê khai giá, dự kiến mức điều chỉnh giá, văn bản đăng ký giá, quyết định điều chỉnh giá của thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu, tùy từng trường hợp quy định tại Điều 36 Nghị định này. Theo dõi, giám sát, kiểm tra việc điều chỉnh giá xăng dầu của thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu;

d) Quản lý văn bản kê khai giá, dự kiến mức điều chỉnh giá, văn bản đăng ký giá của thương nhân, các văn bản của Tổ Liên ngành báo cáo Lãnh đạo Liên Bộ Công Thương - Tài chính về điều hành giá xăng dầu theo quy định của pháp luật về tài liệu mật.

2. Quyền hạn của Tổ Liên ngành

a) Được quyền yêu cầu các thương nhân giải trình văn bản kê khai giá, dự kiến mức điều chỉnh giá, văn bản đăng ký giá, quyết định điều chỉnh giá khi xét thấy các văn bản này chưa thực hiện đúng quy định;

b) Được Lãnh đạo Liên Bộ Công Thương - Tài chính ủy quyền ký các văn bản thông báo đến các thương nhân liên quan đến nhiệm vụ điều hành giá.

Điều 42. Chế độ, nguyên tắc làm việc của Tổ Liên ngành

1. Chế độ làm việc của Tổ Liên ngành

- a) Tổ Liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo chế độ kiêm nhiệm;
- b) Tổ Liên ngành được sử dụng con dấu của Bộ Công Thương và Tổ trưởng Tổ Liên ngành ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Công Thương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao về điều hành giá xăng dầu;
- c) Phó Tổ trưởng thường trực Tổ Liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Tổ trưởng.

2. Nguyên tắc làm việc của Tổ Liên ngành

a) Tổ Liên ngành làm việc theo nguyên tắc tập thể. Tổ trưởng chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho các thành viên và chịu trách nhiệm về các báo cáo tham mưu cho Lãnh đạo Liên Bộ Công Thương - Tài chính. Từng thành viên của Tổ Liên ngành chịu trách nhiệm về các ý kiến tham mưu, đề xuất của mình trước Tổ trưởng và Lãnh đạo Liên Bộ Công Thương - Tài chính liên quan đến việc điều hành giá xăng dầu;

b) Trong quá trình làm việc, các thành viên của Tổ Liên ngành phải chấp hành sự phân công của Tổ trưởng; thực hiện độc lập trong đề xuất ý kiến nhưng phải phối hợp công tác, trao đổi thông tin về những vấn đề liên quan đến điều hành giá xăng dầu; được bảo lưu ý kiến trong quá trình làm việc nhưng phải chấp hành quyết định của Lãnh đạo Liên Bộ Công Thương - Tài chính. Trường hợp ý kiến của hai Bộ khác nhau, Bộ Công Thương quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của Bộ; trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Thực hiện nguyên tắc bảo mật. Nghiêm cấm tiết lộ thông tin trong quá trình điều hành giá xăng dầu, lợi dụng công việc được giao để vụ lợi cá nhân.

Điều 43. Công bố giá cơ sở và điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu

1. Liên Bộ Công Thương - Tài chính tính toán, công bố giá cơ sở theo chu kỳ tính giá quy định tại khoản 9 Điều 3, Điều 36 Nghị định này trên trang Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính.

Trường hợp ngày công bố giá cơ sở theo chu kỳ tính giá là ngày nghỉ hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, Liên Bộ Công Thương - Tài chính thực hiện công bố giá cơ sở vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc ngày nghỉ lễ của chu kỳ tính giá.

2. Căn cứ giá cơ sở và mức sử dụng Quỹ bình ổn do Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố, các thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối được điều chỉnh giá bán lẻ (riêng madút là giá bán buôn) theo quy định tại Mục 3, Mục 4 Nghị định này nhưng không cao hơn giá cơ sở do Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố theo quy định.

3. Thời gian được phép điều chỉnh giá bán lẻ của thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối đối với trường hợp tăng giá là khoảng thời gian từ sau khi Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở đến trước khi Liên Bộ Công

Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp; đối với trường hợp giảm giá phải thực hiện theo đúng thời điểm Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố.

Mục 4

QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

Điều 44. Cơ chế hình thành Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được thương nhân đầu mỗi hạch toán và theo dõi riêng tại ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có chất lượng hoạt động tốt, độ tín nhiệm cao và thương nhân đầu mỗi tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn ngân hàng và bảo đảm an toàn của số dư Quỹ Bình ổn giá. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước, là một yếu tố cấu thành giá cơ sở và chỉ được sử dụng để phục vụ mục tiêu ổn định thị trường, bình ổn giá xăng dầu theo quy định của pháp luật. Thương nhân đầu mỗi có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, chính xác khoản trích lập Quỹ Bình ổn giá và chỉ sử dụng Quỹ Bình ổn giá cho Mục đích ổn định thị trường, bình ổn giá xăng dầu theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ Bình ổn giá được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể trong giá cơ sở ở nhiệt độ thực tế đối với các loại xăng, dầu.

Thương nhân đầu mỗi là chủ tài khoản, thực hiện các thủ tục liên quan để mở tài khoản, trích lập, thực hiện các nghiệp vụ thu, chi từ tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá; đồng thời, có trách nhiệm thông báo tên, địa chỉ, thông tin liên lạc của ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mỗi mở tài Khoản Quỹ Bình ổn giá đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) và công bố thông tin theo quy định tại Khoản Điều 51, Điều 53 Nghị định này.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể đối với phương pháp kế toán và trình bày báo cáo tài chính đối với Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.

Điều 45. Trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu

1. Thương nhân đầu mỗi có nghĩa vụ trích lập Quỹ bình ổn giá để tham gia bình ổn giá xăng dầu theo quy định. Trường hợp thương nhân đầu mỗi có số dư Quỹ Bình ổn giá ở mức từ 300 tỷ đồng trở lên, thương nhân đầu mỗi phải hạch toán và theo dõi thêm Quỹ Bình ổn giá tại một tài khoản tiền gửi được mở tại một ngân hàng thương mại khác.

2. Quỹ bình ổn giá được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể tính trên lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá bán của thương nhân đầu mỗi. Việc trích lập vào Quỹ bình ổn giá được thực hiện đồng thời với chu kỳ điều hành giá cơ sở. Trường hợp thị trường ổn định, Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xem xét dừng hoặc điều chỉnh mức trích lập cho phù hợp với diễn biến của thị trường.

a) Điều chỉnh giảm mức trích lập Quỹ Bình ổn giá dưới mức quy định tại khoản 2 Điều này khi các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng so với giá cơ sở liền kề trước đó hoặc việc tăng giá xăng, dầu có tác động bất lợi đến phát triển kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân;

b) Khi các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở giảm so với mức giá trước khi được điều chỉnh giảm quy định tại điểm a Khoản này

3. Tổng mức trích lập Quỹ Bình ổn giá trong tháng được xác định bằng mức trích quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này nhân (x) với sản lượng xăng, dầu ở nhiệt độ thực tế đã tiêu thụ tại thị trường nội địa trong thời gian trích lập Quỹ Bình ổn giá.

Số dư Quỹ Bình ổn giá cuối kỳ (tháng, quý, năm) bằng (=) Số dư Quỹ Bình ổn giá đầu kỳ cộng (+) tổng mức trích lập Quỹ Bình ổn giá trong kỳ trừ (-) tổng mức sử dụng Quỹ Bình ổn giá trong kỳ cộng (+) phần lãi tính trên số dư Quỹ Bình ổn giá dương phát sinh trong kỳ trừ (-) phần lãi tính trên số dư Quỹ Bình ổn giá âm phát sinh trong kỳ.

Điều 46. Chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

1. Việc chi sử dụng Quỹ bình ổn được thực hiện khi giá cơ sở cao hơn giá bán lẻ hiện hành và việc tăng giá sẽ tác động ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 48 Nghị định này.

Việc chi sử dụng Quỹ bình ổn giá được thực hiện đồng thời với chu kỳ điều hành giá cơ sở. Trường hợp thị trường ổn định, Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xem xét dừng hoặc điều chỉnh mức trích sử dụng cho phù hợp với diễn biến của thị trường.

2. Đối tượng được chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

Các thương nhân đầu mối được sử dụng Quỹ Bình ổn giá để thực hiện mục tiêu ổn định thị trường, bình ổn giá xăng, dầu theo thông báo điều hành giá cơ sở của Liên Bộ Công Thương – Tài chính; Nghiêm cấm sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu để cấp vốn kinh doanh hoặc cho các mục đích khác.

3. Phương thức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá

a) Quỹ Bình ổn giá được chi sử dụng trong các trường hợp sau

- Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở kỳ công bố tăng trong phạm vi đến ba phần trăm ($\leq 03\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó, không trích sử dụng Quỹ, trừ trường hợp việc tăng giá ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân;

- Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng vượt bốn phần trăm ($> 04\%$) đến bảy phần trăm ($\leq 07\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó, thương nhân đầu mối được trích sử dụng Quỹ theo nguyên tắc: ba phần trăm ($\leq 03\%$) cộng (+) thêm năm mươi phần trăm (50%) của mức chênh lệch giá tính từ tỷ lệ giá cơ sở tăng vượt ba ($> 03\%$) đến tỷ lệ tăng thực tế trong

phạm vi tăng vượt từ ba phần trăm ($> 03\%$) đến bảy phần trăm ($\leq 07\%$); năm mươi phần trăm (50%) còn lại được bù đắp từ Quỹ Bình ổn giá.

b) Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng trên bảy phần trăm ($> 07\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó hoặc việc tăng giá xăng dầu có tác động bất lợi đến phát triển kinh tế, xã hội và đời sống của nhân dân, Bộ Công Thương chủ trì phối hợp Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

4. Thủ tục, trình tự chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá

a) Trên cơ sở kê khai điều chỉnh giá của các thương nhân đầu mối phù hợp với các quy định của pháp luật về căn cứ, nguyên tắc, phương pháp, trình tự tính giá xăng, dầu; Liên Bộ Công Thương – Tài chính rà soát, có giải pháp điều hành cho phù hợp, trong đó có giải pháp sử dụng hoặc không sử dụng hoặc ngừng sử dụng hoặc điều chỉnh mức (tỷ lệ) sử dụng Quỹ Bình ổn giá;

b) Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở kỳ công bố tăng trong phạm vi đến ba phần trăm ($\leq 03\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó, nhưng việc tăng giá ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố sử dụng Quỹ Bình ổn giá cùng thời điểm công bố giá cơ sở;

c) Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở kỳ công bố tăng vượt ba phần trăm ($> 03\%$) đến bảy phần trăm ($\leq 07\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó, trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kê khai giá, Liên Bộ Công Thương – Tài chính phải có văn bản trả lời thương nhân đầu mối về việc điều chỉnh mức giá và thông báo bằng văn bản về việc chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá (nếu có) để các thương nhân đầu mối thực hiện.

Quá thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kê khai giá, Liên Bộ Công Thương – Tài chính không có văn bản trả lời về việc điều chỉnh giá của thương nhân đầu mối hoặc không có văn bản thông báo liên quan đến chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá, thương nhân đầu mối được quyền điều chỉnh giá bán lẻ (riêng madút là giá bán buôn) nhưng không cao hơn mức giá cơ sở kỳ công bố và không được vượt quá bảy phần trăm ($> 07\%$) so với giá cơ sở liền kề trước đó;

d) Khi có thông báo của Liên Bộ Công Thương – Tài chính về thời điểm, mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá, thương nhân đầu mối chủ động chi từ tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá và thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định tại Điều 49 Nghị định này.

5) Trường hợp thương nhân đầu mối không còn chức năng làm thương nhân đầu mối xăng dầu theo quy định của pháp luật:

- Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh, chia, tách doanh nghiệp: số dư Quỹ Bình ổn giá sẽ kết chuyển sang số dư của thương nhân đầu mối là doanh nghiệp nhận sáp nhập (trường hợp sáp nhập doanh nghiệp), doanh

ng nghiệp mua lại (trong trường hợp mua lại doanh nghiệp) và doanh nghiệp mới (trong trường hợp hợp nhất, liên doanh, chia, tách doanh nghiệp) theo quy định của pháp luật (kể cả trường hợp số dư Quỹ Bình ổn giá dương và số dư Quỹ Bình ổn giá âm). Liên Bộ Công Thương – Tài chính sẽ kiểm tra, rà soát và thông báo kết quả xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

- Trường hợp thương nhân đầu mỗi bị phá sản, giải thể, bị thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân đầu mỗi chủ động đăng ký không tiếp tục làm thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu khi:

+ Có số dư Quỹ Bình ổn giá phải nộp vào Ngân sách nhà nước;

+ Quỹ Bình ổn giá bị âm do được sử dụng Quỹ Bình ổn giá để bình ổn thị trường, bình ổn giá xăng, dầu trước khi không còn là thương nhân đầu mỗi, Liên Bộ Công Thương – Tài chính sẽ kiểm tra, rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và có biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể, đồng thời thông báo kết quả xử lý đối với từng trường hợp cụ thể đó.

Điều 47. Hạch toán, quyết toán Quỹ Bình ổn giá

1. Thương nhân đầu mỗi có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, chính xác khoản trích lập Quỹ Bình ổn giá vào giá vốn hàng bán.

2. Quỹ Bình ổn giá được chi sử dụng theo quy định tại Điều 48 Nghị định này; khi sử dụng thương nhân đầu mỗi hạch toán giảm giá vốn hàng bán.

3. Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá được tính lãi suất theo mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi 01 tháng của Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mỗi mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá trong cùng thời kỳ. Phần lãi phát sinh trên tài khoản số dư Quỹ Bình ổn giá dương tại Ngân hàng thương mại được ghi tăng tài khoản Quỹ Bình ổn giá. Việc quản lý, điều hành tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá và hạch toán, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh liên quan phải được công khai, minh bạch.

4. Trường hợp thương nhân đầu mỗi sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo thông báo của Liên Bộ Công Thương – Tài chính nhưng tại thời điểm đó số dư của tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá không còn (số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá tại ngân hàng thương mại bằng không (0)), thương nhân đầu mỗi được vay vốn để bù đắp và được tính lãi suất tối đa bằng mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi 01 tháng của Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mỗi mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá. Phần lãi phát sinh khi Quỹ Bình ổn giá âm (khoản thương nhân đầu mỗi phải vay vốn bổ sung khi Quỹ Bình ổn giá âm) được ghi giảm tài khoản Quỹ Bình ổn giá. Việc hoàn trả được thực hiện hàng tháng khi Quỹ Bình ổn có số dư dương và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. Các Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mỗi mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá tạo điều kiện để các doanh nghiệp được vay vốn bù đắp phần thâm hụt do sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo điều hành của Liên Bộ Công Thương – Tài chính.

5. Kết thúc năm tài chính, Quỹ Bình ổn giá có kết dư, thương nhân đầu mỗi được phép kết chuyển sang năm sau.

Điều 48. Công khai, minh bạch Quỹ Bình ổn giá

1. Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, thương nhân đầu mỗi có trách nhiệm:

a) Kết chuyển toàn bộ số trích lập Quỹ Bình ổn giá của tháng liền kề trước đó vào tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Ngân hàng thương mại nơi thương nhân mở tài khoản Quỹ Bình ổn giá; đồng thời, thương nhân đầu mỗi sẽ được bù đắp lại số tiền đã sử dụng Quỹ Bình ổn giá của tháng liền kề trước đó theo thông báo của Liên Bộ Công Thương – Tài chính (nếu có);

b) Công bố công khai trên phương tiện thông tin điện tử của thương nhân hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về số trích lập, số sử dụng, lãi phát sinh, số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu cuối kỳ của tháng liền kề trước đó và phải công bố công khai số dư Quỹ Bình ổn giá trước mỗi lần điều chỉnh giá bán xăng dầu trong nước;

2. Chậm nhất trong ngày 20 của tháng liền kề, Thương nhân đầu mỗi có trách nhiệm gửi báo cáo theo tháng, quý, năm đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) đầy đủ, chính xác các nội dung về Quỹ Bình ổn giá, cụ thể:

- + Số dư Quỹ Bình ổn giá đầu kỳ báo cáo (nếu có);
- + Số trích lập Quỹ Bình ổn giá trong kỳ báo cáo (nếu có);
- + Số sử dụng Quỹ Bình ổn giá trong kỳ báo cáo (nếu có);
- + Phần lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá dương hoặc phần lãi phát sinh do Quỹ Bình ổn giá âm (nếu có);
- + Số dư Quỹ Bình ổn giá cuối kỳ.

- Trường hợp ngày 20 hàng tháng vào ngày nghỉ hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thương nhân đầu mỗi phải thực hiện trích lập, chuyển tiền vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày 20;

- Định kỳ ngày mùng một (01) hàng tháng, thương nhân đầu mỗi phải gửi sao kê về các giao dịch phát sinh liên quan đến tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá của thương nhân đầu mỗi trong tháng liền kề trước đó đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước); Nội dung sao kê bao gồm:

- + Số dư Quỹ Bình ổn giá đầu kỳ báo cáo (nếu có);
- + Số trích lập Quỹ Bình ổn giá trong kỳ báo cáo (nếu có);
- + Số sử dụng Quỹ Bình ổn giá trong kỳ báo cáo (nếu có);
- + Phần lãi phát sinh trên số dư Quỹ Bình ổn giá dương hoặc phần lãi phát sinh do Quỹ Bình ổn giá âm (nếu có);
- + Số dư Quỹ Bình ổn giá trong kỳ.

Điều 49. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Kết thúc năm tài chính, thương nhân đầu mối và Ngân hàng thương mại nơi thương nhân mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình trích lập; sử dụng Quỹ bình ổn giá; bảng tính toán chi tiết số lãi tiền gửi đã hạch toán tăng Quỹ Bình ổn giá và số tiền lãi vay phát sinh hàng tháng do đã ứng vốn để bình ổn giá do Quỹ Bình ổn giá âm; số dư Quỹ Bình ổn giá cuối kỳ gửi Liên Bộ Công Thương – Tài chính để kiểm tra, giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Liên Bộ Công Thương - Tài chính yêu cầu thương nhân đầu mối, Ngân hàng thương mại nơi thương nhân đầu mối mở tài khoản tiền gửi Quỹ Bình ổn giá báo cáo đột xuất.

2. Hàng Quý, trước ngày cuối cùng của tháng cuối Quý, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về thời điểm sử dụng, số trích lập, số sử dụng và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng quý.

Hàng năm Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, việc trích lập, mức sử dụng Quỹ bình ổn giá của thương nhân đầu mối.

3. Thương nhân đầu mối có trách nhiệm tổ chức triển khai việc trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu; các quy định về chế độ thông tin báo cáo theo đúng quy định tại Nghị định này; Trường hợp vi phạm, căn cứ mức độ của hành vi sẽ bị xử phạt hành chính, định chi hoặc thu hồi giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu xăng dầu của thương nhân đầu mối theo quy định.

Đối với trường hợp chậm nộp tiền trích lập Quỹ Bình ổn giá vào tài khoản Quỹ Bình ổn giá tại ngân hàng theo quy định; mức phạt được hạch toán tăng thêm vào Quỹ Bình ổn giá xăng dầu và được tính như sau: Số tiền phạt bằng (=) số tiền chậm nộp nhân (x) 0,03% nhân (x) số ngày chậm nộp.

Mục 5

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ NGÀNH

Điều 50. Công khai, minh bạch trong điều hành giá và kinh doanh xăng dầu

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính thực hiện điều hành giá công khai, minh bạch, đúng quy định tại Điều 36, 37, 38 Nghị định này.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về: Giá thế giới, giá cơ sở, giá bán lẻ xăng dầu hiện hành; thời điểm sử dụng, số trích lập, số sử dụng và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng quý; các biện pháp điều hành khác.

Bộ Tài chính giám sát việc điều hành giá xăng dầu; giám sát việc trích lập, mức sử dụng Quỹ bình ổn giá của thương nhân đầu mối.

3. Thương nhân đầu mối có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của thương nhân hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về giá bán lẻ hiện hành; số trích lập, số sử dụng và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng tháng và trước mỗi lần điều chỉnh giá bán xăng dầu trong nước; điều chỉnh mức trích, mức sử dụng Quỹ bình ổn giá; công bố báo cáo tài chính trong năm tài chính khi đã được kiểm toán.

Điều 51. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân

Ngoài trách nhiệm cụ thể được quy định tại các điều, khoản nêu tại Nghị định này, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Bộ Công Thương:

a) Kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu tuân thủ các điều kiện và quy định tại Điều 7, 9, 10, 11, 13, 15 và 31 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

b) Hướng dẫn thực hiện hoạt động kinh doanh, phân phối xăng dầu; kiểm tra, giám sát thương nhân tuân thủ các điều kiện và các quy định tại Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

c) Hướng dẫn thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu quy định tại Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

d) Kiểm tra, giám sát thương nhân tuân thủ các điều kiện và quy định tại Điều 27, 28 và 29 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

đ) *Phương án 1:* Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính điều hành giá bán xăng dầu, điều hành trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu thông qua cơ chế hoạt động của Tổ liên ngành điều hành giá xăng dầu. Khi có ý kiến khác nhau, Bộ Công Thương quyết định và chịu trách nhiệm; trường hợp cần thiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Phương án 2: Giao Bộ Tài chính là đơn vị chủ trì điều hành giá xăng dầu, điều hành trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu thông qua cơ chế hoạt động của Tổ liên ngành điều hành giá xăng dầu.

Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu thực hiện các quy định tại Mục 3 Nghị định này.

e) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy định tại Khoản 4 và 5 Điều 41 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP để bảo đảm việc cung ứng xăng dầu được ổn định, đáp ứng nhu cầu xăng dầu trên địa bàn.

g) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để đưa nhiên liệu sinh học lưu thông trên thị trường trong nước, theo lộ trình quy định của Thủ tướng Chính phủ.

h) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan ban hành quy định về tỷ lệ hao hụt xăng dầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối thực hiện các quy định tại Mục 4 Nghị định này và các loại thuế, phí có liên quan. Phối hợp Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối thực hiện các quy định tại 3 Nghị định này.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá; chủ trì, hướng dẫn phương pháp và các nội dung cấu thành trong công thức tính giá cơ sở (thuế, phí, chi phí...), hướng dẫn việc quản lý, trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra và giám sát việc thực hiện chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức.

c) Chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương và các Bộ ngành có liên quan hướng dẫn việc sử dụng các công cụ tài chính phù hợp để khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học, bảo đảm nguyên tắc thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan quản lý, kiểm tra, kiểm soát đo lường, chất lượng xăng dầu sản xuất, pha chế, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

b) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đo lường, chất lượng xăng dầu, quy định thực hiện thống nhất trong cả nước.

c) Hướng dẫn việc sử dụng phụ gia không thông dụng để pha chế xăng dầu; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm.

d) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện các quy định quản lý về đo lường, chất lượng của thương nhân kinh doanh xăng dầu theo quy định có liên quan tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 15, 18, 21, 23, 26, 29 và 32 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

4. Bộ Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan quy định tiêu chuẩn, điều kiện điểm đầu nối của hệ thống giao thông với hệ thống cơ sở kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và quy định vùng nước hoạt động của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên mặt nước.

b) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy định tại Khoản 15 Điều 9 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường của các cơ sở kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu.

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 13, 16, 19, 22, 24, 27 và 28 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

6. Các Bộ, ngành có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các Sở, Ban, ngành tại địa phương hướng dẫn hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu tại địa phương; giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu tại địa phương, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành; giám sát chất lượng xăng dầu trên địa bàn quản lý; quy định giờ bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu; quy định các trường hợp dừng bán hàng, quy trình thông báo trước khi dừng bán hàng; quản lý thương nhân cung cấp xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

8. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các quy định có liên quan tại Nghị định này.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

2. Bãi bỏ Điều 5, khoản 18 Điều 9, điểm c khoản 2 Điều 40, điểm khoản... của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

3. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2016.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định

1. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản Điều Nghị định này có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các đơn vị thực hiện .../.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).KN.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

